

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 91/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 07 - 2024

V/v: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Luật;
- Bà Trương Thị Lệ Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Kim Lân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 07 năm 2024, tại Hội trường xét xử A, tầng trệt - Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 139/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 06 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2024/QĐHPT-HNGĐST ngày 12 tháng 07 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Hồng N**, sinh năm 1993.

Địa chỉ thường trú: Ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Số A C, khu C, ấp A, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông **Cao Văn T**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Bà N xin vắng mặt, còn ông T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2023, bản tự khai, quá trình làm việc

tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N trình bày:

Bà và ông Cao Văn T kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp dẫn đến cuộc sống vợ thường xuyên xuyên cãi vã, gia đình luôn căng thẳng. Bà và ông T đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc nên bà làm đơn xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung là các cháu tên Cao Minh K, sinh ngày 14/03/2019 và Cao Thảo V, sinh ngày 29/09/2020. Ly hôn, bà xin nuôi cháu V và đồng ý giao cháu K cho ông T nuôi. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*** Bị đơn ông Cao Văn T đã được tổng đạt (Niêm yết) hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, tham gia tố tụng cũng như xét xử nên không có lời khai, văn bản trình bày ý kiến về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.**

Do các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:**

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng, còn bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử, thu thập chứng cứ, tài liệu, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát và giao, tổng đạt văn bản tố tụng, Tòa án đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, cho bà được ly hôn với ông T;

- Về con chung: Có 02 con chung là các cháu tên Cao Minh K, sinh ngày 14/03/2019 và Cao Thảo V, sinh ngày 29/09/2020. Ly hôn, giao cháu V cho bà N nuôi và giao cháu K cho ông T nuôi. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào;

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết;

- Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách đương sự, quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Bà Lê Thị Hồng N khởi kiện “Xin ly hôn và yêu cầu giải quyết con chung” với ông Cao Văn T, sinh năm 1989, địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Qua xác minh tại địa phương thể hiện (Bút lục 27): Ông Cao Văn T, sinh năm 1989, hiện đang đăng ký thường trú và sinh sống tại: Ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; vì vậy căn cứ quy định tại Điều 68, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bà Lê Thị Hồng N là nguyên đơn, ông Cao Văn T là bị đơn, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng N có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận; còn bị đơn ông Cao Văn T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa nên căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông T.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Bà Lê Thị Hồng N và ông Cao Văn T kết hôn năm 2018, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 168/2108, đăng ký ngày 06/11/2018 nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xét xử, giải quyết vụ án.

Bà N trình bày: Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp dẫn đến cuộc sống vợ thường xuyên xuyên cãi vã, gia đình luôn căng thẳng. Bà và ông T đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không thành. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc nên bà làm đơn xin ly hôn với ông T.

Về việc thu thập chứng cứ, tài liệu: Tòa án đã xác minh trình trạng hôn nhân của N và ông T tại địa phương thể hiện (Bút lục 28): Hiện bà N và ông T đã sống ly thân mấy năm nay, mạnh ai nấy sống, không thấy bà N về nhà ông T nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt (Niêm yết) hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho ông T nhưng ông không đến làm việc, tham gia tố tụng cũng như xét xử tại tòa án. Điều này chứng tỏ ông T đã không còn thiết tha, quan tâm và mặc kệ đến quan hệ hôn nhân

với bà N. Đồng thời, khi làm việc tại Tòa án cũng đã phân tích, động viên để bà N đoàn tụ, hàn gắn với ông T nhưng bà N xác định quá trình chung sống vợ chồng đã không còn tình cảm, không thể sống chung với nhau được nữa nên cương quyết xin ly hôn với ông T, những điều này chứng tỏ giữa bà N và ông T đã không còn tình cảm, tình nghĩa vợ chồng và thương yêu, quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa...vv. Từ những nhận định, phân tích và đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông T có thật, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, cho bà được ly hôn với ông T.

[3.2] Về con chung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và phần trình bày của bà N thể hiện: Quá trình chung sống, bà N và ông T có 02 con chung là các cháu tên Cao Minh K, sinh ngày 14/3/2019 và Cao Thảo V, sinh ngày 29/9/2020.

Bà N trình bày, ly hôn bà xin nuôi cháu V và đồng ý giao cháu K cho ông T nuôi. Tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Còn ông T không đến Tòa án làm việc, tham gia tố tụng cũng như phiên tòa xét xử nên không ghi nhận được văn bản trình bày ý kiến.

Về việc thu thập chứng cứ, tài liệu: Qua xác minh tại địa phương thể hiện (Bút lục 28): Bà N và ông T có 02 con chung là các cháu tên Cao Minh K, sinh năm 2019 và Cao Thảo V, sinh năm 2020; hiện cháu K đang sinh sống cùng ông T, còn cháu V đang sinh sống cùng bà N; tại địa phương ông T chăm lo làm ăn, con cái, có công việc ổn định, không quậy phá, chơi bời. Còn theo bà N trình bày bà có công việc là thợ may làm cho tư nhân, thu nhập mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng – 9.000.000 đồng.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, xét thấy hiện cháu K đang sinh sống ổn định cùng ông T và cháu V đang sinh sống ổn định cùng bà N; đồng thời xem xét ý kiến, điều kiện của bà N, điều kiện của ông T, vì vậy để tránh ảnh hưởng, xáo trộn đến cuộc sống, tâm sinh lý, sinh hoạt hằng ngày, học tập...vv của các cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu V cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu K cho ông Trung trực t nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, do bà N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết; tạm thời không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

[3.3] Bà N trình bày về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết. Ông T không đến Tòa án làm việc, tham gia tố tụng cũng như phiên tòa xét xử nên không ghi nhận được ý kiến. Vì vậy, đối với phần tài sản chung và nợ chung, không đủ cơ sở xác định đối với các vấn đề này, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết và tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà N phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 69, 97, 147, 227, 228, 235, 238, 264, 266, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Lê Thị Hồng N đối với ông Cao Văn T về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng N được ly hôn với ông Cao Văn T1.

2. Về con chung: Có 02 con chung là các cháu tên Cao Minh K, sinh ngày 14/03/2019 và Cao Thảo V, sinh ngày 29/09/2020.

Ly hôn, giao cháu V cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu K cho ông Trung trực t nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên.

Ông T, bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung còn lại mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí toà án số 0014251 ngày 01/04/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

5. Bà N, ông T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán;
- Ủy ban nhân dân xã Phú Ngọc (Số 168/2018, đăng ký ngày 06/11/2018);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Đạt

